

BIỂU CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH TỈNH LAI CHÂU NĂM 2020

(Kèm theo Kế hoạch số

/KH-UBND ngày

/7/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Chi số thành phần PCI		Kết quả TH Năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Phân công lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện
			Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)	Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)		
CHỈ SỐ PCI			59.9518	63.00	63.86	50-60	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đồng chí Trần Tiến Dũng Chủ tịch UBND tỉnh
1	Gia nhập thị trường		7.72	18	7.80		Sở Kế hoạch và Đầu tư đầu mối	Đồng chí Giảng A Tỉnh Phó Chủ tịch UBND tỉnh
	1.1.	Số ngày đăng ký doanh nghiệp (trung vị)	3	1			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
	1.2.	Số ngày thay đổi ĐKDN (trung vị)	3	7			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
	1.3.	Phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động(% DN)	16%	30			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
	1.4.	Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động(% DN)	3%	31			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
	1.5.	Tỉ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTHCC, bưu điện(%))	24%	51			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
	1.6.	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Thủ tục được niêm yết công khai(%)	83%	17			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
	1.7.	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ(%)	80%	28			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
	1.8.	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn(%)	80%	8			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
	1.9.	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện(%)	74%	25			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
	1.10.	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt (%)	46%	16			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
2	Tiếp cận đất đai		6.32	52	6.90		Sở Tài nguyên và Môi trường đầu mối	Đồng chí Hà Trọng Hải Phó Chủ tịch UBND tỉnh
	2.1.	Tỉ lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (%)	40%	51			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
	2.2.	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	30	17			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
	2.3.	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất cao; 5=Rất thấp)	1.79	59			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
	2.4.	DN không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	41%	46			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
	2.5.	Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch(%)	17%	25			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
	2.6.	Giải phóng mặt bằng chậm (%)	15%	25			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
	2.7.	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng(%)	32%	35			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
	2.8.	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn/nhiều khả năng)	44%	3			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
	2.9.	Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	68%	62			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
	2.10.	DN thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn (%)	21%	58			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
	2.11.	Không có GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/cán bộ nhàn nhều (%)	14%	48			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
3	Tính minh bạch		6.53	48	6.60		Sở Tư pháp đầu mối	Đồng chí Trần Tiến Dũng Chủ tịch UBND tỉnh
	3.1.	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Rất dễ; 5=Không thể)	2.72	7			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
	3.2.	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Rất dễ; 5=Không thể)	3.16	15			Sở Tư pháp chủ trì	
	3.3.	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (%)	85%	39			Sở Tài chính chủ trì	

STT	Chi số thành phần PCI		Kết quả TH Năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Phân công lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện
			Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)	Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)		
	3.4.	Thông tin mời thầu được công khai(%)	57%	5			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
	3.5.	Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	63%	39			Sở Tư pháp chủ trì	
	3.6.	Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vị)	6	57			Sở Tư pháp chủ trì	
	3.7.	Cần có 'mối quan hệ' để có được các tài liệu của tỉnh (%)	65%	53			Sở Tư pháp chủ trì	
	3.8.	'Thỏa thuận' khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng(%)	48%	36			Cục thuế tỉnh chủ trì	
	3.9.	Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW (% chắc chắn)	10%	10			Sở Tư pháp chủ trì	
	3.10.	Vai trò HHDN trong việc xây dựng chính sách, quy định của tỉnh (% lớn/rất lớn)	38%	61			Hiệp hội doanh nghiệp chủ trì	
	3.11	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh (Nhóm nghiên cứu PCI)	26.25	62			Sở Thông tin truyền thông chủ trì	
	3.12	Tỉ lệ DN truy cập vào website của tỉnh (%)	90%	7			Sở Thông tin truyền thông chủ trì	
4	Chi phí thời gian		5.66	61	6.50		Thanh tra tỉnh đầu mối	Đồng chí Tổng Thanh Hải Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
	4.1.	Tỉ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL (%)	26%	51			Sở Tư pháp chủ trì	
	4.2.	CBCC giải quyết công việc hiệu quả (%)	73%	56			Sở Nội vụ chủ trì	
	4.3.	CBCC thân thiện (%)	71%	39			Sở Nội vụ chủ trì	
	4.4.	DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)	55%	9			Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	
	4.5.	Thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	50%	56			Văn phòng UBND tỉnh	
	4.6.	Phí, lệ phí được niêm yết công khai (%)	91%	50			Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	
	4.7.	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (%)	72%	34			Văn phòng UBND tỉnh	
	4.8.	Tỉ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm(%)	10%	57			Thanh tra tỉnh chủ trì	
	4.9.	Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	16%	59			Thanh tra tỉnh chủ trì	
	4.10	Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	24	38			Thanh tra tỉnh chủ trì	
	4.11	Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều DN(%)	27%	62			Thanh tra tỉnh chủ trì	
5	Chi phí không chính thức		4.77	62	5.50		Thanh tra tỉnh đầu mối	Đồng chí Hà Trọng Hải Phó Chủ tịch UBND tỉnh
	5.1.	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT (% Đồng ý)	60%	53			Thanh tra tỉnh chủ trì	
	5.2.	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (%luôn luôn/hầu hết)	66%	13			Thanh tra tỉnh chủ trì	
	5.3.	Tình trạng những nhiều khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	58%	50			Thanh tra tỉnh chủ trì	
	5.4.	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	77%	58			Thanh tra tỉnh chủ trì	
	5.5.	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra(%)	49%	59			Thanh tra tỉnh chủ trì	
	5.6	Tỉ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT (%)	19%	62			Thanh tra tỉnh chủ trì	
	5.7	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đắt đại(%)	45%	46			Thanh tra tỉnh chủ trì	
	5.8	Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý)	55%	56			Thanh tra tỉnh chủ trì	
	5.9	DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%)	34%	61			Tòa án Nhân dân tỉnh chủ trì	

STT	Chi số thành phần PCI		Kết quả TH Năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Phân công lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện
			Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)	Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)		
6	Cạnh tranh bình đẳng		6.92	16	6.95		Sở Kế hoạch và Đầu tư đầu mối	Đồng chí Giàng A Tỉnh Phó Chủ tịch UBND tỉnh
6.1.	Việc tinh ưu ái cho các DNNN gây khó khăn cho DN” (% Đồng ý)		30%	31			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
6.2.	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)		26%	40			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
6.3.	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý)		23%	36			Ngân hàng Nhà nước tỉnh chủ trì	
6.4.	DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý)		16%	40			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
6.5.	DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý)		23%	48			Văn phòng UBND tỉnh	
6.6.	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý)		25%	51			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
6.7.	DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý)		27%	3			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
6.8.	Tinh ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% Đồng ý)		20%	3			Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6.9.	DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)		14%	7			Sở Tài nguyên môi trường chủ trì	
6.10.	DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN(% Đồng ý)		10%	5			Cục thuế tỉnh chủ trì	
6.11.	DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý)		9%	2			Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6.12.	DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn(% Đồng ý)		12%	5			Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6.13.	Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ		63%	29			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
6.14.	Ưu đãi DN lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý)		54%	41			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
7	Tính năng động		6.79	16	6.80		Văn phòng UBND tỉnh đầu mối	Đồng chí Tổng Thanh Hải Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
7.1.	UBND tỉnh vận dụng PL linh hoạt nhằm tạo MTKD thuận lợi cho KTTN(%)		74%	53			VP UBND tỉnh chủ trì	
7.2.	UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh (%)		66%	31			VP UBND tỉnh chủ trì	
7.3.	Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực KTTN là tích cực(%)		58%	20			VP UBND tỉnh chủ trì	
7.4.	Có sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở/ngành(%)		69%	52			Sở Nội vụ chủ trì	
7.5.	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng, nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện/thị (%)		49%	59			UBND huyện, thành phố chủ trì	
7.6.	Khi CS, PL TW có điểm chưa rõ, CQ tỉnh thường “đợi xin ý kiến chỉ đạo”/“không làm gì cả)		19%	57			Sở Tư pháp chủ trì	
7.7.	Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN(%)		73%	36			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
7.8.	DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc(%)		98%	14			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
7.9.	Tỉ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh(%)		76%	53			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
8	Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp		5.09	62	5.80		Sở Kế hoạch và Đầu tư đầu mối	Đồng chí Giàng A Tỉnh Phó Chủ tịch UBND tỉnh
8.1.	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm vừa qua (BCT)		7	54			Sở Công thương chủ trì	
8.2.	Tỉ lệ DN cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%)		0.23%	60			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
8.3.	Tỉ lệ DN CCDV tư nhân và FDI trên tổng số DN CCDV (%)		50%	42			Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
8.4.	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)		56%	33			Sở Công thương chủ trì	

STT	Chi số thành phần PCI		Kết quả TH Năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Phân công lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện
			Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)	Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)		
8.5.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm TTTT(%)	42%	57			Sở Công thương chủ trì		
8.6.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	84%	3			Sở Công thương chủ trì		
8.7.	DN từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (TVPL) (%)	57%	39			Sở Tư pháp chủ trì		
8.8.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ TVPL (%)	38%	51			Sở Tư pháp chủ trì		
8.9.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ TVPL(%)	67%	26			Sở Tư pháp chủ trì		
8.10.	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh (ĐTKD)(%)	46%	45			Sở Công thương chủ trì		
8.11.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm ĐTKD (%)	56%	51			Sở Công thương chủ trì		
8.12.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm ĐTKD(%)	69%	30			Sở Công thương chủ trì		
8.13.	DN từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (XTTM) (%)	48%	54			Trung tâm xúc tiến ĐT-TM-DL		
8.14.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ XTTM (%)	9%	63			Trung tâm xúc tiến ĐT-TM-DL		
8.15.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ XTTM(%)	27%	63			Trung tâm xúc tiến ĐT-TM-DL		
8.16.	DN từng sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	44%	49			Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì		
8.17.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	43%	47			Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì		
8.18.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ(%)	43%	57			Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì		
8.19.	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính (KTTC)(%)	58%	31			Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì		
8.20.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về Kế toán tài chính (%)	45%	54			Sở Tài chính chủ trì		
8.21.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về Kế toán tài chính (%)	55%	46			Sở Tài chính chủ trì		
8.22.	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (QTKD) (%)	55%	28			Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì		
8.23.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về QTKD(%)	42%	59			Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì		
8.24.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD(%)	33%	59			Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì		
9	Đào tạo lao động		5.88	57	6.50		Sở Lao động TBXH đầu mối	Đồng chí Tổng Thanh Hải Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
9.1.	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng Tốt(%)	45%	62			Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì		
9.2.	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng Tốt(%)	30%	60			Sở Lao động TBXH chủ trì		
9.3.	DN từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh (%)	57%	51			Sở Lao động TBXH chủ trì		
9.4.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ GTVL (%)	24%	63			Sở Lao động TBXH chủ trì		
9.5.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ GTVL (%)	71%	18			Sở Lao động TBXH chủ trì		
9.6.	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Đào tạo lao động (%)	5.03	53			Sở Lao động TBXH chủ trì		
9.7.	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Tuyển dụng lao động (%)	4.60	38			Sở Lao động TBXH chủ trì		
9.8.	Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN (%)	74%	63			Sở Lao động TBXH chủ trì		
9.9.	Tỉ lệ lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo(%), BLĐTĐTBXH)	3%	57			Sở Lao động TBXH chủ trì		
9.10.	Tỉ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (%), BLĐTĐTBXH)	14%	1			Sở Lao động TBXH chủ trì		
9.11.	Tỉ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)	45.85	56			Sở Lao động TBXH chủ trì		

STT	Chi số thành phần PCI		Kết quả TH Năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Phân công lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện
			Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)	Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)		
10	Thiết chế pháp lý và ANTT		6.98	19	7.20		Tòa án Nhân dân tỉnh đầu mối	Đồng chí Trần Tiến Dũng Chủ tịch UBND tỉnh
10.1.	Tin tưởng HTPL sẽ đảm bảo quyền tài sản/ thực thi hợp đồng của DN(%)	85%	50				Tòa án Nhân dân tỉnh	
10.2.	Hệ thống pháp luật (HTPL) có cơ chế giúp DN tố cáo cán bộ những nhiều(%)	34%	33				Tòa án Nhân dân tỉnh	
10.3.	Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN(%)	40%	33				Tòa án Nhân dân tỉnh chủ trì	
10.4.	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	66%	5				Tòa án Nhân dân tỉnh chủ trì	
10.5.	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật(%)	95%	6				Tòa án Nhân dân tỉnh chủ trì	
10.6.	Phán quyết của Tòa án là công bằng (%)	91%	9				Tòa án Nhân dân tỉnh chủ trì	
10.7.	Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử vụ việc kinh tế nhanh chóng (%)	78%	13				Tòa án Nhân dân tỉnh chủ trì	
10.8.	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (%)	79%	19				Cục thi hành án tỉnh	
10.9.	Các CQ trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	79%	26				Tòa án Nhân dân tỉnh chủ trì	
10.10.	Các chi phí chính thức và CPKCT là chấp nhận được khi GQTC qua Tòa án(%)	86%	16				Tòa án Nhân dân tỉnh chủ trì	
10.11.	Số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án thụ lý/100 DN (TATC)	0.23	2				Tòa án Nhân dân tỉnh chủ trì	
10.12.	Tỉ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Toà án tỉnh (% , TATC)	100%	1				Tòa án Nhân dân tỉnh chủ trì	
10.13.	Tỉ lệ vụ việc kinh tế đã được giải quyết trong năm(% , TATC)	50%	56				Tòa án Nhân dân tỉnh chủ trì	
10.14.	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt(%)	83%	2				Công an tỉnh chủ trì	
10.15.	Tỉ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	14%	46				Công an tỉnh chủ trì	
10.16.	CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản(%)	57%	41				Công an tỉnh chủ trì	
10.17.	Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn(%)	2%	39				Công an tỉnh chủ trì	